TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 07 - 3 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 377/2018/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Thái K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị H.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thái K trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau năm 2004, đến ngày 31/8/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm, đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; chị H không tôn trọng anh và có người đàn ông khác bên ngoài; anh đã tạo cơ hội để chị H sửa đổi nhiều lần nhưng trong 02 năm nay chị H vẫn không sửa đổi; từ đó anh đã đuổi chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2018 đến nay và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng gặp nhau nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H, anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hồng V, sinh ngày 03/3/2006 và Lê Hồng Thái P, sinh ngày 17/02/2012. Hiện cháu V đang sống với anh, còn cháu P đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Hồng V, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh giao quyền nuôi con chung Lê Hồng Thái P cho chị H, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh nhớ có nợ của bà Phạm Thị H khoảng 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, nếu bà H có đủ chứng cứ chứng minh vợ chồng anh nợ 87.000.000 đồng thì anh cũng chấp nhận. Mục đích vợ chồng anh vay tiền của bà H là để làm cây giống, xây dựng kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân, khoản nợ này hai vợ chồng cùng biết, cùng đứng ra vay nên khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi trách nhiệm trả nợ, anh đồng ý trả cho bà H ½ số nợ này, còn lại ½ thuộc về chị H.

Ngoài ra, anh và chị H có nợ chung khoảng 800.000.000 đồng, số nợ này là anh chị vay của những người bà con trong gia đình hai bên, nên anh không cung cấp cho Tòa án số tiền nợ cụ thể của từng người, cũng không cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của bên cho vay. Sau khi ly hôn anh chị sẽ tự thỏa thuận trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn theo như anh K trình bày. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 12 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Theo chị H, việc anh K trình bày việc chị có người đàn ông khác là không có, chị làm kinh doanh nên phải giao tiếp với khách hàng nhưng anh K cho rằng chị có người đàn ông khác bên ngoài, chị cũng nhiều lần giải thích nhưng không được. Đến tháng 5/2018 anh K đuổi chị về nhà cha mẹ ruột nên chị về nhà cha mẹ sinh sống cho đến nay và cũng sống ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân chị và anh K có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay nếu anh K cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hồng V, sinh ngày 03/3/2006 và Lê Hồng Thái P, sinh ngày 17/02/2012, hiện cháu V đang sống với anh K, còn cháu P sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị giao quyền trực tiếp nuôi con tên Lê Nguyễn Hồng V cho anh K, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê

Hồng Thái P và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng từ khi có bản án có hiệu lực của Tòa án cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K có nợ của bà Phạm Thị H số tiền 87.000.000 đồng tiền này do anh chị vay để làm cây giống xây dựng kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân, khoản nợ này hai vợ chồng cùng biết cùng đứng ra vay; nhưng nay chị không có thu nhập ổn định, không có khả năng trả nợ nên chị yêu cầu anh K có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này.

Ngoài ra anh chị còn nợ chung khoảng 800.000.000 đồng, số nợ này là anh chị vay của những người bà con trong gia đình hai bên, nên chị không cung cấp cho Tòa án số tiền nợ thể của từng người, cũng không cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của bên cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:

Bà có cho vợ chồng anh K, chị H vay tổng cộng số tiền 87.000.000 đồng, cho vay 03 lần có viết biên nhận, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 17/7/2017 anh K, chị H vay 30.000.000 đồng thời hạn trả là ngày 09/01/2018. Lần 2: Vào ngày 13/8/2017 vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 13/10/2017. Lần 3: vào ngày 15/12/2017 vay 27.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 15/3/2018. Hai bên thỏa thuận vay không có lãi, mục đích vay tiền của anh K, chị H là để làm cây giống xây dựng kinh tế gia đình, nay đến thời hạn trả tiền nhưng anh K, chị H vẫn không trả tiền cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K chị H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 87.000.000 đồng.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Châu Thành đem vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thái K đối với chị Nguyễn Thị H: Anh Lê Thái K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Ghi nhận việc anh K và chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Anh Lê Thái K được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Hồng V, sinh ngày 03/3/2006. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Hồng Thái P, sinh ngày 17/02/2012. Anh Lê Thái K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh K, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh K, chị H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh K, chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với anh Lê Thái K và chị Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Lê Thái K và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng. Cụ thể: anh K, chị H mỗi người có nghĩa vụ phải trả cho bà H số tiền 43.500.000 (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2018 bị đơn chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của toà Chợ Lách yêu cấu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, chị không đồng ý ly hôn, chị không có khả năng để nuôi con chung là cháu P, chị cũng không đồng ý trả số nợ chung.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn,yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H yêu cầu vợ chồng chị phải có trách nhiệm trả cho bà số nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Chợ Lách.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh K và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, sau 12 năm đầu sống chung hạnh phúc thì giữa anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường

xuyên cãi nhau. Anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Anh K xác định tình cảm với chị H không còn nên yêu cầu được ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị thực tế có xảy ra, hai vợ chồng đều thừa nhận là trong thời gian sống ly thân cũng nhiều lần gặp nhau, tạo điều kiện để cả hai hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.Anh chị sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, khoảng thời gian cũng đủ để cả hai bên suy nghĩ hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được. Tại cấp phúc thẩm hôm nay chị H không đồng ý ly hôn, chị muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, kiên quyết ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án toà án cũng đã nhiều lần tiến hành hoà giải nhằm để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đạt đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng có thể quay lại với nhau. Do đó, kháng cáo của chị không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có hai con chung, cháu Lê Nguyễn Hồng V, sinh ngày 03/3/2006 hiện đang sống với anh K, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu V sống với anh K từ khi anh chị ly thân nhau cho đến nay, việc để cho anh K tiếp tục nuôi cháu là phù hợp. Cháu Lê Hồng Thái P, sinh ngày 17/02/2012 hiện đang sống với chị H, cấp sơ thẩm chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu của chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên, chị kháng cáo cho rằng hiện tại hoàn cảnh chị khó khăn, không đủ khả năng nuôi cháu P nhưng chị không cung cấp được căn cứ nào chứng minh chị đang gặp khó khăn và không đủ điều kiện nuôi con. Đối với yêu cầu của chị, anh Phú cũng không đồng ý. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị, cần giữ y như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[3] Về nợ chung: Anh chị thừa nhận có nợ của bà Phạm Thị H số tiền 87.000.000 đồng, hồ sơ vụ án cũng thể hiện căn cứ vào các "Biên bản nhận tiền" các ngày 16/7/2017, ngày 13/8/2017 và ngày 15/12/2017 thể hiện anh K, chị H có vay của bà H 03 lần với tổng số tiền là 87.000.000 đồng.Mục đích vay tiền là để anh chị làm cây giống, lo cho kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân nên đây được xác định là khoản nợ chung của hai vợ chồng, do đó anh chị có trách nhiệm trả số nợ này cho bà H. Mặt khác, mặc dù anh chị được toà chấp nhận cho ly hôn nhưng về tài sản chung anh chị không có tranh chấp nên tài sản chung chưa được chia. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của bên thứ ba khi ly hôn cần buộc anh K và chị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 87.000.000 đồng là phù hợp. Riêng đối với số nợ khoảng 800.000.000 đồng là khoản nợ mà anh chị vay của họ hàng hai bên. Anh chị không cung cấp được số tiền nợ cụ thể của từng người, cung không cung cấp tên, năm sinh, địa chỉ của bên cho vay. Toà án cấp sơ thẩm đã ra thông báo số 453 và 454 ngày 03/10/2018 để yêu cầu anh chị cung cấp những thông tin trên cho toà án nhưng anh chị không cung cấp được. Do đó, không có căn cứ để toà án giải quyết số nợ này của anh chị, nếu có tranh chấp

phát sinh sau này thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, kháng cáo của chị H không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được giữ nguyên, không chấp nhận kháng cáo của chị H. Tuy nhiên, cần điều chỉnh lại phần nợ chung, không chia phần đối với số nợ 87.000.000 đồng (mỗi người phải trả ½ là 43.500.000 đồng) như cấp sơ thẩm đã tuyên mà buộc hai vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới trả phần nợ trên cho bà H.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 377/2018/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 28, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37, 51, 56, 60, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thái K đối với chị Nguyễn Thị H: Anh Lê Thái K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Ghi nhận việc anh K và chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Anh Lê Thái K được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Hồng V, sinh ngày 03/3/2006. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Hồng Thái P, sinh ngày 17/02/2012. Anh Lê Thái K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh K, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh K, chị H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh K, chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với anh Lê Thái K và chị Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Lê Thái K và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phai thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Lê Thái K phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0017583 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách. Anh K còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng.

- Anh Lê Thái K và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.350.000 (bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000 (hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0020313 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số 0020397 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a,

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương